

VŨ QUỐC LỊCH – PHẠM NGỌC YẾN

# THIẾT KẾ BÀI GIẢNG ĐỊA LÍ

# 10

TẬP HAI

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

# PHẦN hai

## ĐỊA LÍ KINH TẾ – XÃ HỘI

---

### Chương V

## ĐỊA LÍ DÂN CƯ

### Bài 22

## DÂN SỐ VÀ SỰ GIA TĂNG DÂN SỐ

### I. MỤC TIÊU

*Sau bài học, HS cần:*

#### 1. Kiến thức

- Hiểu được dân số thế giới luôn luôn biến động, nguyên nhân chính là do sinh đẻ và tử vong.
- Phân biệt được các tỉ suất sinh, tỉ suất tử, gia tăng cơ học và gia tăng thực tế.
- Biết cách tính tỉ suất sinh, tỉ suất tử và tỉ suất gia tăng tự nhiên.

#### 2. Kỹ năng

- Rèn luyện kỹ năng nhận xét, phân tích biểu đồ, lược đồ, bảng số liệu về tỉ suất sinh, tỉ suất tử và tỉ suất gia tăng tự nhiên.
- Nâng cao kỹ năng thảo luận, hợp tác theo nhóm.

#### 3. Thái độ

Có nhận thức đúng đắn về vấn đề dân số, ủng hộ và tuyên truyền, vận động mọi người thực hiện các biện pháp, chính sách dân số của quốc gia và địa phương.

### II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- Bản đồ giáo khoa treo tường Phân bố dân cư và các đô thị trên thế giới.

- Biểu đồ tỉ suất sinh thô (hình 22.1), tỉ suất tử thô (hình 22.2) thời kì 1950 – 2005.
- Hình 22.3 trong SGK (phóng to).

### III. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

#### 1. Kiểm tra bài cũ

1. Trình bày khái niệm, nguyên nhân và các biểu hiện của quy luật địa đối, quy luật phi địa đối.
2. Hãy lấy những ví dụ chứng minh quy luật địa đối là quy luật phổ biến của các thành phần địa lí.

#### 2. Bài mới

**Mở bài:** Dân số là động lực của sự phát triển kinh tế – xã hội. Quy mô dân số trên các lãnh thổ không giống nhau, số dân thì luôn biến động. Tại sao có tình trạng này và sự gia tăng dân số có ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển kinh tế – xã hội? Đó là những vấn đề chúng ta cần làm sáng tỏ qua bài học hôm nay.

#### Hoạt động 1

#### DÂN SỐ VÀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN DÂN SỐ THẾ GIỚI

**Mục tiêu:** Nắm được sự biến động của dân số thế giới và các nguyên nhân chính là do sinh đẻ và tử vong.

<i>Hoạt động dạy</i>	<i>Hoạt động học</i>	<i>Nội dung</i>
Câu hỏi (CH): Em có nhận xét gì về quy mô dân số thế giới?	Học sinh (HS) đọc mục I.1 trong SGK để trả lời.  HS nêu được ví dụ: + 11 nước có số dân hơn 100 triệu người,	I. DÂN SỐ VÀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN DÂN SỐ THẾ GIỚI  – Dân số thế giới 6.477 triệu người (giữa năm 2005).  – Quy mô dân số của các nước và vùng lãnh thổ rất khác nhau.

<i>Hoạt động dạy</i>	<i>Hoạt động học</i>	<i>Nội dung</i>
<p>CH: Dựa vào bảng số liệu Dân số thế giới từ năm 1804 đến năm 2025 (dự báo), em có nhận xét gì về tình hình phát triển dân số thế giới?</p>	<p>chiếm 61% số dân thế giới. + 17 nước số dân chỉ từ 0,01 – 0,1 triệu người. Tổng số dân của 17 nước này chỉ là 1,18 triệu người = 0,018% số dân thế giới.</p> <p>HS chú ý vào số năm dân số tăng thêm 1 tỉ người và số năm dân số tăng gấp đôi để nêu nhận xét.</p> <p>Cụ thể: + Thời gian dân số tăng thêm 1 tỉ người giai đoạn 1804 – 1927 cần 123 năm thì giai đoạn 1987 – 1999 chỉ cần 12 năm. + Thời gian dân số tăng gấp đôi giai đoạn 1804 – 1927 cần 123 năm thì giai đoạn 1927 – 1974 chỉ cần 47 năm.</p>	<p><b>2. Tình hình phát triển dân số trên thế giới</b></p> <p>– Thời gian dân số tăng thêm 1 tỉ người và thời gian dân số tăng gấp đôi ngày càng rút ngắn.</p>

<i>Hoạt động dạy</i>	<i>Hoạt động học</i>	<i>Nội dung</i>
	+ Quy mô dân số thế giới: năm 1804 có 1 tỉ người, năm 1999 đạt 6 tỉ và dự báo năm 2025 sẽ đạt 8 tỉ người.	– Tốc độ gia tăng dân số thế giới ngày càng cao, quy mô dân số thế giới ngày càng lớn.

## Hoạt động 2 TÌM HIỂU VỀ GIA TĂNG DÂN SỐ

**Mục tiêu:** HS phân biệt được các tỉ suất sinh, tỉ suất tử, gia tăng tự nhiên và gia tăng cơ học, nắm được các yếu tố tác động đến tỉ suất sinh và tỉ suất tử. HS biết cách tính tỉ suất sinh, tỉ suất tử và tỉ suất gia tăng tự nhiên.

<i>Hoạt động dạy</i>	<i>Hoạt động học</i>	<i>Nội dung</i>
<p><i>Phương án 1:</i> Giáo viên (GV) chia lớp thành các nhóm.</p> <p>Nhóm 1: Tìm hiểu về tỉ suất sinh thô.</p> <p>Nhóm 2: Tìm hiểu về tỉ suất tử thô.</p> <p>Nhóm 3: Tìm hiểu về sự gia tăng tự nhiên.</p> <p>Nhóm 4: Tìm hiểu về hậu quả của gia tăng dân số.</p> <p>GV chuẩn xác kiến thức sau khi HS trình bày.</p>	<p>– Các nhóm thảo luận để hoàn thành phiếu học tập (Xem phụ lục)</p> <p>– Sau đó đại diện các nhóm lên trình bày kết quả.</p> <p>– Các nhóm khác góp ý bổ sung.</p>	<p>II. GIA TĂNG DÂN SỐ</p>

<i>Hoạt động dạy</i>	<i>Hoạt động học</i>	<i>Nội dung</i>
<p><i>Phương án 2: Dạy theo tiến trình như SGK</i></p> <p>GV: Sự biến động dân số thế giới (tăng lên hay giảm đi) là do hai nhân tố chủ yếu quyết định: Sinh đẻ và tử vong, ứng với hai nhân tố này là tỉ suất sinh và tỉ suất tử.</p> <p>CH: Tỉ suất sinh thô là gì?</p> <p>CH: Dựa vào hình 22.1, em hãy nhận xét tình hình tỉ suất sinh thô của thế giới và ở các nước đang phát triển, các nước phát triển thời kì 1950 – 2005.</p> <p>CH: Vì sao lại có tình trạng đó?</p>	<p>HS dựa vào mục II.1-a để trả lời.</p> <p>– Là tương quan giữa số trẻ em được sinh ra trong năm so với số dân trung bình ở cùng thời điểm.</p> <p>HS chú ý nhận xét chiều hướng thay đổi và mức chênh lệch tỉ suất sinh thô ở hai nhóm các nước đang phát triển và các nước phát triển.</p> <p>HS lấy số liệu cụ thể được thể hiện trong hình 22.1 để chứng minh.</p> <p>HS dựa nội dung SGK để nêu được: Nguyên nhân chủ yếu do các</p>	<p><b>1. Gia tăng tự nhiên</b></p> <p><b>a) Tỉ suất sinh thô (‰)</b></p> <p>– Có xu hướng giảm mạnh.</p> <p>– Nhóm nước đang phát triển có tỉ suất sinh thô cao hơn các nước phát triển.</p>

<i>Hoạt động dạy</i>	<i>Hoạt động học</i>	<i>Nội dung</i>
<p>CH: Tỷ suất tử thô là gì?</p> <p>CH: Dựa vào hình 22.2, em hãy nhận xét tỷ suất tử thô của thế giới và ở các nước đang phát triển, các nước phát triển thời kì 1950 – 2005.</p> <p>các nước phát triển lại</p>	<p>yếu tố tự nhiên – sinh học, phong tục tập quán và tâm lí xã hội, trình độ phát triển kinh tế – xã hội và chính sách phát triển dân số của từng nước.</p> <p>HS dựa vào mục II.1-b để trả lời.</p> <p>– Là tương quan giữa số người chết trong năm so với số dân trung bình ở cùng thời điểm.</p> <p>HS chú ý nhận xét chiều hướng thay đổi và mức chênh lệch tỷ suất tử thô ở hai nhóm các nước đang phát triển và các nước phát triển trước đây và hiện nay.</p> <p>HS sinh nêu được:</p> <p>– Do quy mô dân số của các nước phát triển đã ổn định, tỉ lệ người trên độ tuổi lao động cao.</p>	<p><b><i>b) Tỷ suất tử thô (‰)</i></b></p> <p>– Có xu hướng giảm rõ rệt (và do đó tuổi thọ trung bình của dân cư thế giới ngày càng tăng).</p> <p>– Mức chênh lệch tỷ suất tử thô giữa các nhóm nước không lớn như tỷ suất sinh thô.</p>

<i>Hoạt động dạy</i>	<i>Hoạt động học</i>	<i>Nội dung</i>
<p>lớn hơn ở các nước đang phát triển?</p> <p>CH: Các nguyên nhân nào ảnh hưởng đến tỉ suất tử thô?</p> <p>CH: Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên là gì?</p> <p>CH: Tại sao tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên lại được coi là động lực phát triển dân số?</p> <p>CH: Dựa vào hình 22.3, em có nhận xét gì về tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên thế giới hằng năm, thời kì 2000 – 2005?</p>	<p>– Ngược lại, số dân của các nước đang phát triển vẫn ngày càng tăng, tỉ lệ người trên độ tuổi lao động nhỏ.</p> <p>– Do đặc điểm kinh tế</p> <p>– xã hội như chiến tranh, đói kém, bệnh tật...</p> <p>– Do thiên tai: động đất, núi lửa, hạn hán, bão lụt...</p> <p>HS dựa vào mục II.1-c để trả lời.</p> <p>– Vì đây là nhân tố quan trọng nhất có ảnh hưởng quyết định đến sự biến động dân số.</p> <p>HS quan sát kĩ hình 22.3 để nêu được 5 nhóm nước có tỉ suất gia tăng tự nhiên khác nhau.</p>	<p><b><i>c) Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên (%)</i></b></p> <p>– Là sự chênh lệch giữa tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô, được coi là động lực phát triển dân số.</p> <p>– Có 5 nhóm nước có mức gia tăng tự nhiên khác nhau:</p> <p>+ <math>\leq 0</math> Liên bang Nga, một số quốc gia ở Đông Âu.</p>



<i>Hoạt động dạy</i>	<i>Hoạt động học</i>	<i>Nội dung</i>
<p>CH: Sự gia tăng dân số quá nhanh và không hợp lí có ảnh hưởng tiêu cực như thế nào?</p> <p>GV: Sự di chuyển của dân cư từ nơi này sang nơi khác tạo nên sự biến động cơ học của dân cư.</p>	<p>Sức ép về:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giải quyết việc làm.</li> <li>– Nâng cao đời sống.</li> <li>– Bảo vệ tài nguyên, môi trường...</li> </ul>	<p>+ 0,1–0,9%: Hoa Kỳ, Canada, Ôxtrâyliya, Trung Quốc, Cadăcxtan, Tây Âu...</p> <p>+ 1 – 1,9%: Ấn Độ, Việt Nam, Braxin, Mêhicô, Angiêri...</p> <p>+ 2 – 2,9%: Đa số các nước ở châu Phi, Arập Xêút, Pakixtan, Apganixtan, Vênêduêla, Bôlivia...</p> <p>+ ≥ 3%: Côngô, Sat, Mali, Xômalì, Madagaxca...</p> <p><b>d) Ảnh hưởng của tình hình tăng dân số đối với sự phát triển kinh tế – xã hội.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Gây sức ép lớn đối với sự phát triển kinh tế</li> <li>– xã hội và bảo vệ môi trường.</li> </ul> <p><b>2. Gia tăng cơ học</b></p>

<i>Hoạt động dạy</i>	<i>Hoạt động học</i>	<i>Nội dung</i>
<p>CH: Gia tăng cơ học (hay gia tăng cơ giới) là gì?</p> <p>CH: Gia tăng cơ học có ảnh hưởng gì đến vấn đề dân số?</p> <p>CH: Tỷ suất gia tăng dân số được tính như thế nào?</p> <p>GV lưu ý HS mặc dù gia tăng dân số chịu ảnh hưởng của cả gia tăng tự nhiên và gia tăng cơ học, song động lực phát triển của dân số chính là gia tăng dân số tự nhiên.</p>	<p>HS dựa vào mục II.2 để trả lời.</p> <p>– Không ảnh hưởng đến dân số thế giới, song có ý nghĩa lớn đối với từng khu vực, từng quốc gia.</p> <p>HS dựa nội dung mục II.3 để trả lời.</p>	<p>– Sự chênh lệch giữa số người xuất cư và số người nhập cư được gọi là gia tăng cơ học.</p> <p>– Có ý nghĩa quan trọng đối với từng khu vực, từng quốc gia.</p> <p><b>3. Gia tăng dân số (%)</b></p> <p>Tỷ suất gia tăng dân số = Tổng số của tỷ suất gia tăng tự nhiên và gia tăng cơ học.</p>

#### IV. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

- Giả sử tỷ suất gia tăng dân số tự nhiên của Ấn Độ là 2% và không thay đổi trong thời kỳ 1995 – 2000.

Hãy trình bày cách tính và điền kết quả vào bảng số liệu dân số của Ấn Độ theo mẫu dưới đây:

<i>Năm</i>	1995	1997	1998	1999	2000
<i>Dân số (triệu người)</i>	?	?	975	?	?